

Số: 761 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 5 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

Dự án Đường số 2 nối dài - Khu công nghiệp Tịnh Phong

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

CV
ĐẾN

Số: 3448
Ngày: 31/5/13
Chuyên:

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về việc bổ sung Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về việc Quản lý dự án đầu tư và xây dựng công trình;

Căn cứ nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 và nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07/01/2008 Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 23/10/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án Đường số 2 nối dài - Khu công nghiệp Tịnh Phong;

Xét Tờ trình số 89/TTr-QISC ngày 18/12/2012 của Công ty TNHH MTV Đầu tư, Xây dựng và Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành: Đường số 2 nối dài - Khu công nghiệp Tịnh Phong; trên cơ sở kết quả thẩm tra tại Báo cáo số 55/BC-STC-ĐT ngày 06/5/2013 của Sở Tài chính Quảng Ngãi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với các nội dung chính sau:

- Tên dự án: Đường số 2 nối dài - Khu công nghiệp Tịnh Phong.

- Chủ đầu tư: Công ty Phát triển hạ tầng các Khu công nghiệp Quảng Ngãi (nay là Công ty TNHH MTV Đầu tư, Xây dựng và Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi).

- Địa điểm xây dựng: Xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

- Thời gian khởi công tháng 06/2009 - hoàn thành tháng 10/2010

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư

Đơn vị: đồng

Nguồn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
Tổng cộng	14.945.043.000	15.100.000.000	- 154.936.000
Vốn ngân sách tỉnh	14.945.043.000	15.100.000.000	- 154.936.000

2. Chi phí đầu tư

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
Tổng số	17.379.895.609	14.945.043.000
- Xây dựng:	14.662.028.994	13.757.575.000
- Chi phí quản lý dự án:	264.418.285	258.327.000
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	877.711.870	823.788.000
- Chi phí khác:	201.028.001	105.353.000
- Dự phòng:	1.347.708.459	0

3. Chi phí đầu tư thiệt hại được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Công trình thuộc chủ đầu tư quản lý		Công trình giao đơn vị khác quản lý	
	Thực tế	Quy đổi	Thực tế	Quy đổi
Tổng số	14.945.043.000			
1. Tài sản cố định	14.945.043.000			
2. Tài sản lưu động	0			

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư: Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Nguồn vốn	Số tiền (đồng)	Ghi chú
Tổng số	14.945.043.000	
Vốn ngân sách tỉnh	14.945.043.000	

- Tổng các khoản công nợ tính đến thời điểm thẩm tra ngày 25/04/2013:

Trong đó: - Nợ phải thu: - 223.936.000 đồng
- Nợ phải trả: + 68.979.000 đồng

- Nguồn vốn bố trí trả nợ cho dự án: Ngân sách tỉnh (Chi tiết các khoản công nợ theo Phụ lục số II kèm theo).

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định (đồng)	Tài sản lưu động (đồng)
Công ty TNHH MTV Đầu tư, Xây dựng và Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi	14.945.043.000	0

3. Công ty TNHH MTV Đầu tư, Xây dựng và Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung theo Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành số 55/BC-STC-ĐT ngày 06/5/2013 của Sở Tài chính và nội dung quyết toán dự án hoàn thành được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, PCT(CN) UBND tỉnh;
- VPUB: C-PVP(CN), KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD.huy152.



Phạm Như Sô

PHỤ LỤC SỐ I

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐƯỢC QUYẾT TOÁN

Dự án Đường số nội địa Khu công nghiệp Tỉnh Phong

(Kèm theo Quyết định số: 761/QĐ-UBND ngày 30/5/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Đơn vị tính: đồng

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng(+), giảm (-) so với dự toán
I	Chi phí xây dựng	14.662.028.994	13.757.575.000	13.757.575.000	-904.453.994
1	Gói số 4	689.579.327	670.249.000	670.249.000	-19.330.327
2	Gói số 5	13.932.279.216	13.047.156.000	13.047.156.000	-885.123.216
3	Phát sinh gói số 5	40.170.451	40.170.000	40.170.000	-451
II	Chi phí quản lý dự án	264.418.285	258.327.000	258.327.000	-6.091.285
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	877.711.870	823.788.000	823.788.000	-53.923.870
1	Khảo sát, lập dự án đầu tư	164.654.631	158.261.000	158.261.000	-6.393.631
2	Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	313.706.419	311.301.000	311.301.000	-2.405.419
3	Thẩm tra thiết kế BVTC&DT	40.102.951	40.103.000	40.103.000	49
4	Lập và đánh giá HSMT XL	39.108.182	35.558.000	35.558.000	-3.550.182
5	Giám sát thi công	320.139.687	278.565.000	278.565.000	-41.574.687
IV	Chi phí khác	201.028.001	105.353.000	105.353.000	-95.675.000
1	Thẩm định	5.711.000	5.711.000	5.711.000	0
2	Nghiệm thu đường dây chiếu sáng	6.827.733	0	0	-6.827.733
3	Bảo hiểm công trình	53.641.302	53.622.000	53.622.000	-19.302
4	Kiểm toán	85.273.587	0	0	-85.273.587
5	Thẩm tra quyết toán	49.574.378	46.020.000	46.020.000	-3.554.378
V	Dự phòng	1.374.708.459	0	0	-1.374.708.459
VI	Tổng cộng	17.379.895.609	14.945.043.000	14.945.043.000	-2.434.852.608

PHỤ LỤC SỐ II: BẢNG CÔNG NỢ

Dự án Đường số 2 - Khu công nghiệp Tịnh Phong

(Kèm theo Quyết định số: 76/QĐ-UBND ngày 30/5/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Đơn vị tính: đồng

Số TT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số cấp cho đơn vị	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
I		Chi phí xây dựng	13.757.575.000	13.981.511.000	-223.936.000	0
1	Công ty xây dựng Thuận An	Xây lắp gói số 4	670.249.000	670.249.000	0	0
2	Công ty TNHH MTV ĐTXD Vạn Tường	Xây lắp gói số 5	13.087.326.000	13.311.262.000	-223.936.000	
II		Chi phí quản lý dự án	258.327.000	241.079.000	0	17.248.000
1	Công ty TNHH MTV ĐT, Xây dựng và Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi	Quản lý dự án	258.327.000	241.079.000	0	17.248.000
III		Chi phí TVĐT xây dựng	823.788.000	823.788.000	0	0
1	Công ty Tư vấn Xây dựng Cầu đường Quảng Ngãi	Khảo sát, lập dự án đầu tư	158.261.000	158.261.000	0	0
		Thiết kế bản vẽ thi công	311.301.000	311.301.000	0	0
2	Công ty Tư vấn XDCT Quảng Ngãi	Thẩm tra thiết kế + dự toán	40.103.000	40.103.000	0	0
3	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng 5	Lập HSMT và đánh giá HSDT gói số 4	1.868.000	1.868.000	0	0
4	Công ty TNHH MTV ĐT, XD và KDDV Quảng Ngãi	Lập HSMT và đánh giá HSDT gói số 5	33.690.000	33.690.000	0	0
5	Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Thái Bảo	Giám sát thi công gói số 4	13.163.000	13.163.000	0	0
6	Công ty TNHH MTV ĐT, Xây dựng và Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi	Giám sát thi công gói số 5	265.402.000	265.402.000	0	0
IV		Chi phí khác	105.353.000	53.622.000	0	51.731.000
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định phí	3.220.000	0	0	3.220.000
2	Sở Giao thông vận tải		2.491.000	0	0	2.491.000
3	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông - Văn phòng Miền Trung	Bảo hiểm công trình gói số 4	2.664.000	2.664.000	0	0
		Bảo hiểm công trình gói số 5	50.958.000	50.958.000	0	0
4	Sở Tài chính Quảng Ngãi	Thẩm tra quyết toán	46.020.000	0	0	46.020.000
V	Tổng cộng		14.945.043.000	15.100.000.000	-223.936.000	68.979.000
VI	Công nợ bù trừ				-154.957.000	